

11
2
BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

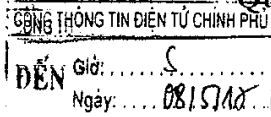
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96 /2017/TT-BQP

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học
đối với nhà giáo trong Quân đội nhân dân Việt Nam**



Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi Điểm b Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục kiêm nhiệm giảng

dạy, cán bộ viện, nghiên cứu viên của các viện thuộc các học viện khi tham gia giảng dạy (sau đây gọi chung là nhà giáo) trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với các học viện, trường đại học, trường sĩ quan, trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp, trường quân sự (sau đây gọi chung là nhà trường Quân đội) có tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan; không áp dụng đối với nhà giáo giảng dạy tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh.

3. Nhà giáo trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm trừ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội. Nhà giáo nữ có con nhỏ dưới 36 tháng được giảm trừ nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc được giảm trừ theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động.

Điều 2. Mục đích

1. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo.

2. Làm căn cứ để Thủ trưởng nhà trường Quân đội phân công, bố trí, sử dụng, đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm; cơ quan quản lý giáo dục kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xây dựng chính sách, chương trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo.

3. Làm cơ sở để nhà giáo xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chương II

GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 3. Giờ chuẩn giảng dạy

1. Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho 01 tiết (45 phút) giảng lý thuyết trực tiếp trong giảng đường.

2. Định mức giờ chuẩn đối với nhà giáo trong một năm học

a) Nhà giáo công tác tại các học viện, trường sĩ quan, trường đại học, trường cao đẳng là 270 giờ chuẩn.

b) Nhà giáo của các trường trung cấp, trường quân sự quân khu, quân đoàn, Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, trường quân sự tỉnh, thành phố là 300 giờ chuẩn.

c) Thủ trưởng các nhà trường quy định định mức giờ chuẩn cho phù hợp đối với đào tạo phi công, tàu ngầm, lái xe tăng, thiết giáp, đặc công, tên lửa, trên cơ sở tính chất, đặc điểm và điều kiện lao động sự phạm, nhưng không vượt quá định mức giờ chuẩn của quy định này.

d) Giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50% định mức quy định.

3. Nhà giáo trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

Điều 4. Quy đổi ra giờ chuẩn

1. Một tiết giảng lý thuyết hoặc tích hợp (cả lý thuyết và thực hành) trong giảng đường cho 01 lớp học được tính bằng 1,0 giờ chuẩn. Một tiết giảng lý thuyết ngoài thao trường, bãi tập, trong xưởng sản xuất cho 01 lớp học được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

2. Một tiết hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong giảng đường được tính tối đa 1,0 giờ chuẩn. Một tiết giảng thực hành ban ngày ngoài thao trường, bãi tập, trong xưởng sản xuất như: Diễn tập có bắn đạn thật, chiến thuật, chỉ huy tham mưu, luyện tập tổng hợp, huấn luyện dã ngoại, luyện tập kỹ thuật, thực hành tay nghề thuộc các môn học chiến thuật, kỹ thuật quân sự, quân sự chung, môn chuyên ngành được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

3. Một tiết giảng ban đêm, trừ thời gian hành quân dã ngoại hoặc rèn luyện thể lực được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

4. Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn, cho các lớp đào tạo trình độ tiến sĩ được tính bằng 2,0 giờ chuẩn.

5. Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 2,0 giờ chuẩn.

6. Một tiết giảng cho lớp học trong môi trường đặc thù quân sự như: Đào tạo phi công; tàu ngầm, lái xe tăng, xe thiết giáp, tên lửa, đặc công, giảng dạy trong pháo tự hành, xe chuyên dụng quân sự, diễn tập có bắn đạn thật, trên cơ sở tính chất, đặc điểm và điều kiện lao động sự phạm, Thủ trưởng các trường vận dụng quy đổi giờ chuẩn cụ thể nhưng không vượt quá 2,0 giờ chuẩn.

7. Hướng dẫn tham quan học tập, thực tập, thực tế của học viên: Một ngày làm việc được tính tối đa 2,5 giờ chuẩn.

8. Hướng dẫn 01 bài tập lớn (bài tập điều kiện bắt buộc mang tính đặc thù của môn học) được tính tối đa 0,5 giờ chuẩn. Hướng dẫn đồ án môn học được tính tối đa 01 giờ chuẩn cho một đồ án. Hướng dẫn làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 25 giờ chuẩn cho một đồ án, khóa luận.

9. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ được tính tối đa 70 giờ chuẩn cho một luận văn.

10. Hướng dẫn luận án tiến sĩ được tính tối đa 200 giờ chuẩn cho một luận án, trong đó người hướng dẫn thứ nhất được tính 120 giờ chuẩn, người hướng dẫn thứ hai được tính 80 giờ chuẩn.

11. Đọc và nhận xét đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 05 giờ chuẩn cho một đồ án, khóa luận.